TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T.S** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Ngô Mạnh Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chinh- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1971; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Số 33 V.Đ, khu phố Đ.H, phường C.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1976; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Số 33 V.Đ, khu phố Đ.H, phường C.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Trần Thị B trình bày: Chị kết hôn với anh Hồ Văn T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C.K, huyện T.S (nay là UBND phường C.K, thị xã T.S), tỉnh Bắc Ninh vào ngày 25/11/1999. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do cả hai không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh đập chị và do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay và không còn quan T,

chăm sóc nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục chung sống nên xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Hồ Xuân L sinh năm 2000, Hồ Văn Tr sinh năm 2002 và Hồ Văn Q sinh ngày 11/10/2004. Cháu L và Tr đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị là người trực tiếp nuôi cháu Q, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm thuê tại Đ.H, phường C.K thu nhập khoảng 4.500.000 đồng/tháng. Chị có chỗ ở ổn định tại C.K đủ đảm bảo điều kiện để nuôi con. Hiện tại chị không có thai.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống cùng với gia đình anh T, chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hồ Văn T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến đến Tòa án. Tòa án đã cùng với Công an phường C.K đến nhà anh T nhưng anh T không hợp tác làm việc và từ chối khai báo.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T. Về con chung, chị là người trực tiếp nuôi cháu Hồ Văn Q sinh ngày 11/10/2004, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị B được ly hôn anh Hồ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Hồ Văn Q sinh ngày 11/10/2004 cho chị Trần Thị B nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Hồ Văn T trú tại khu phố Đ.H, phường C.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tòa án nhân dân thị xã T.S đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 12/8/2021, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 17 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 30/8/2021, anh T vắng mặt lần thứ hai, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh T.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Hồ Văn T kết hôn năm 1999, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị B xin ly hôn anh T với lý do khi chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do cả hai cả hai không hiểu nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh đập chị và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh chị đã sống ly

thân từ cuối năm 2018 đến nay và không còn quan T, chăm sóc nhau. Chị xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh T. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến gửi đến Tòa án và từ chối làm việc với Tòa án. Theo kết quả xác minh tại Công an phường C.K thì anh T nhiều lần có hành vi đánh chị B và chị B đã gọi điện báo Công an phường giải quyết. Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Vì vậy, hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã trầm trọng, cuộc hôn nhân này không thể tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị B, xử cho chị B được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị B và anh T có 03 con chung là Hồ Xuân L sinh năm 2000, Hồ Văn Tr sinh năm 2002 và Hồ Văn Q sinh ngày 11/10/2004. Cháu L và Tr đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B có nguyện vọng nuôi cháu Q. Hiện tại cháu Q đang ở với chị B và có nguyện vọng ở với mẹ. Chị B có công việc đủ đảm bảo điều kiện để nuôi con vì vậy, giao cháu Q cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị B phải chịu phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị B được ly hôn anh Hồ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Văn Q sinh ngày 11/10/2004 cho chị Trần Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo tại biên lai thu số AA/2019/0004051 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.S. Chị B đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã T.S;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh